



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
ĐH-CQ-NVC

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232000680

Tên học phần: Sinh hóa môi trường

Mã học phần: BIO10408

Lớp: 1

Ngày thi:

Giờ thi:

Phòng thi:

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ắ n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
1	18150299	Nguyễn Thị Như	Thảo			☐	6	4		xấu bẩn	
2	19150041	Hồ Ngọc Kim	Anh			☐	8	1		tám một	
3	19150056	Lê Trần Quỳnh	Châu			☐	8	8		tám tám	
4	19150069	Thái Minh	Duy			☐	6	8		xấu tám	
5	19150075	Trần Lưu Thủy	Giang			☐	7	0		bảy không	
6	19150097	Ngô Đào Diệu	Hương			☐	6	4		xấu bốn	
7	19150115	Trần Thanh	Liên			☐	8	0		tám không	
8	19150147	Phạm Nguyễn Thảo	Nhi			☐	8	0		tám không	
9	19150189	Nguyễn Thị Thạch	Thảo			☐	8	5		tám năm	
10	19150213	Trần Trung	Tín			☐	7	7		bảy bảy	
11	19150246	Nguyễn Thị Thu	Uyên			☐	7	4		bảy bốn	
12	19150247	Phạm Thảo	Uyên			☐	8	4		tám bốn	
13	19150265	Trần Thị Bé	Út			☐	4	4		bốn bốn	
14	19150272	Lê Ngọc Quế	Anh			☐	8	5		tám năm	
15	19150289	Trần Ngọc Hoài	Bảo			☐	7	8		bảy tám	
16	19150293	Phan Thị Mỹ	Chinh			☐	8	5		tám rưỡi	
17	19150302	Nguyễn Tiến	Đạt			☐	8	8		tám tám	
18	19150345	Tô Bích	Hường			☐	8	8		tám tám	
19	19150349	Võ Lê Quang	Huy			☐	5	1		năm một	
20	19150359	Nguyễn Trần Trịnh	Khoa			☐	4	1		bốn một	
21	19150434	Huỳnh Thị Ngọc	Quý			☐	8	6		tám sáu	
22	19150454	Trần Phương	Thảo			☐	8	5		tám năm	
23	19150465	Lê Thị Yến	Thư			☐	8	6		tám sáu	
24	20150013	Trần Diệu	Anh			☐	8	1		tám một	
25	20150064	Hoàng	Oanh			☐	7	0		bảy không	

Cán bộ coi thi

Cán bộ chấm thi

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên: N.T. Gia Hằng

1) N.T. Gia Hằng...Chữ ký:

2) Khuất Lê Uyên Vy...Chữ ký:

Họ, tên:

Nguyễn Thị Gia Hằng

Chữ ký:

Họ, tên:

Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
ĐH-CQ-NVC

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232000681

Tên học phần: **Sinh hóa môi trường**

Mã học phần: **BIO10408**

Lớp: **1**

Ngày thi:

Giờ thi:

Phòng thi:

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
26	20150102	Nguyễn Hồ Á	Châu		<i>Châu</i>	☐	7	0		lấy không	
27	20150162	Hồ Thị Phương	Khanh		<i>K</i>	☐	8	6		tám sáu	
28	20150163	Huỳnh Diệp Mai	Khanh		<i>Khanh</i>	☐	8	0		tám không	
29	20150166	Huỳnh Minh	Khoa		<i>Khoa</i>	☐	8	5		tám năm	
30	20150168	Trương Minh	Khoa		<i>TK</i>	☐	8	0		tám không	
31	20150170	Từ Minh	Khôi		<i>Từ Minh</i>	☐	8	0		tám không	
32	20150201	Nguyễn Liêu Thảo	My		<i>My</i>	☐	8	5		tám năm	
33	20150230	Trần Thị Nguyễn	Nhi		<i>Nhi</i>	☐	9	2		chín hai	
34	20150231	Nguyễn Thị Thùy	Nhiên		<i>Nhiên</i>	☐	6	6		sáu sáu	
35	20150252	Nguyễn Ngô Thu	Quỳnh		<i>Quỳnh</i>	☐	8	3		tám ba	
36	20150261	Trần Thu	Thanh		<i>Thanh</i>	☐	8	9		tám chín	
37	20150273	Nguyễn Thị Minh	Thùy		<i>Thùy</i>	☐	8	5		tám năm	
38	20150296	Nguyễn Kế	Tường		<i>Nguyễn Kế</i>	☐	6	9		sáu chín	
39	20150308	Nguyễn Cẩm	Vy		<i>Vy</i>	☐	7	4		lấy bốn	
40						☐					
41						☐					
42						☐					
43						☐					
44						☐					
45						☐					
46						☐					
47						☐					
48						☐					
49						☐					
50						☐					

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: <i>Khuyết Lê Uyên Vy</i> 1) <i>Khuyết Lê Uyên Vy</i> Chữ ký: <i>[Signature]</i> 2) <i>N.T. Gia Hưng</i> Chữ ký: <i>[Signature]</i>	Họ, tên: <i>Khuyết Lê Uyên Vy</i> Chữ ký: <i>[Signature]</i>	Họ, tên: Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM
Học kỳ: 2/22-23



222232002154

Tên học phần: **Môi trường cơ bản**

Mã học phần: **BTE10029**

Lớp: **1**

Ngày thi: **14/04/2023**

Giờ thi: **7:30 - 8:30**

Phòng thi: **E106**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ắ n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
1	19180109	Phạm Nhật Anh	Hào			☐		9	5		
2	19180133	Thái Lâm Bích	Ngọc			☐		9	5		
3	19180140	Nguyễn Đông	Phúc			☐		8	0		
4	19180177	Nay H'	Masa			☐		9	5		
5	19180212	Phan Tuấn	Đạt			☐		7	5		
6	19180280	Nguyễn Như	Khanh			☐		7	5		
7	19180286	Lê Thị	Lân			☐		7	5		
8	19180291	Hoàng Thị Khánh	Linh			☐		9	5		
9	19180308	Đỗ Thị Kim	Ngân			☐		7	5		
10	19180309	Nguyễn Ngọc Thái	Ngân			☐		7	5		
11	19180350	Ngô Thị Bích	Phượng			☐		9	0		
12	19180370	Trần Quan	Sang			☐		9	0		
13	19180388	Trần Tất	Thành			☐		9	0		
14	19180393	Vũ Nguyễn Tâm	Thảo			☐		7	5		
15	19180410	Đoàn Trần Thuý	Tiên			☐		7	5		
16	19180417	Phạm Thị Bích	Trâm			☐		9	0		
17	19180444	Nguyễn Anh	Tuấn			☐		8	0		
18	20180024	Nguyễn Thị Thuý	Dương			☒					
19	20180035	Nguyễn Hữu Tuấn	Hiệp			☐		8	0		
20	20180050	Lê Hoàng	Minh			☐		8	0		
21	20180052	Hồ Thị My	My			☐		8	3		
22	20180065	Lê Nguyễn Cúc	Phương			☐		8	0		
23	20180068	Nguyễn Thiên	Quang			☐		7	5		
24	20180070	Trần Tú	Quyên			☐		8	0		
25	20180071	Nguyễn Như	Quỳnh			☐		8	3		

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) <u>N.T.T. Mai</u>Chữ ký:	Họ, tên: <u>Nguyễn Thị Kim Dung</u> Chữ ký:	Họ, tên: Chữ ký:
2) <u>N.T. Gia Hân</u>Chữ ký:		



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232002155

Giữa kỳ

Tên học phần: **Môi trường cơ bản**Mã học phần: **BTE10029**Lớp: **1**Ngày thi: **14/4/2023** Giờ thi: **8:45 - 9:45**Phòng thi: **E 106**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P. Thập phân		
26	20180083	Võ Hoài Như	Trúc		<i>Trúc</i>	☐		8	8		
27	20180086	Trương Nhật	Uyên		<i>Trương</i>	☐		8	0		
28	20180102	Trần Thị Mỹ	Diệu		<i>Trần</i>	☐		8	0		
29	20180104	Phạm Huy Trường	Đức		<i>Phạm</i>	☐		7	5		
30	20180107	Lê Thị Thùy	Giang		<i>Lê</i>	☐		8	3		
31	20180116	Ngô Quốc	Hiệu		<i>Ngô</i>	☐		8	3		
32	20180117	Trần Minh	Hoàng		<i>Trần</i>	☐		8	8		
33	20180118	Nguyễn Thị Mỹ	Hồng		<i>Nguyễn</i>	☐		8	3		
34	20180124	Văn Ngọc	Khải		<i>Văn</i>	☐		7	5		
35	20180132	Nguyễn Việt	Luân		<i>Nguyễn</i>	☐		8	8		
36	20180135	Khuru Tổ	Nga		<i>Khuru</i>	☐		8	0		
37	20180138	Trương Thanh	Ngân		<i>Trương</i>	☐		8	5		
38	20180144	Phan Thị Hoàng	Oanh		<i>Phan</i>	☐		7	8		
39	20180150	Phạm Lê Anh	Quân		<i>Phạm</i>	☐		8	5		
40	20180152	Nguyễn Ngọc Như	Quỳnh		<i>Nguyễn</i>	☐		9	0		
41	20180155	Đình Văn	Thành		<i>Đình</i>	☐		8	8		
42	20180156	Lê Hoàng Như	Thảo		<i>Lê</i>	☐		7	8		
43	20180161	Mai Huỳnh Chí	Thông		<i>Mai</i>	☐		8	5		
44	20180165	Ngô Thiên	Thư		<i>Ngô</i>	☐		8	0		
45	20180176	Cao Hoàng Khánh	Trân		<i>Cao</i>	☐		8	5		
46	20180179	Lê Trần Thanh	Trúc		<i>Lê</i>	☐		8	0		
47	20180182	Trần Anh	Tuấn		<i>Trần</i>	☐		7	5		
48	20180195	Lưu Hữu	Phước		<i>Lưu</i>	☐		8	5		
49	20180199	Bùi Thị Ngọc	Anh		<i>Bùi</i>	☐		8	3		
50	20180203	Nguyễn Quỳnh	Anh		<i>Nguyễn</i>	☐		8	0		

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) <i>N.T. Gia Hăng</i> Chữ ký: <i>[Chữ ký]</i> 2) <i>N.T.T. Mai</i> Chữ ký: <i>[Chữ ký]</i>	Họ, tên: <i>Nguyễn Thị Kim Dung</i> Chữ ký: <i>[Chữ ký]</i>	Họ, tên: Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM
Học kỳ: 2/22-23



222232002156

Tên học phần: **Môi trường cơ bản**

Mã học phần: **BTE10029**

Lớp: **1**

Ngày thi: **21/4/2023** Giờ thi: **7:30 - 8:30**

Phòng thi: **E106**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P. Thập phần		
51	20180215	Lê Thị Thanh	Bình					8	5		
52	20180221	Nguyễn Trần Minh	Chí					8	5		
53	20180224	Nguyễn Hoàng Bá	Đăng					8	8		
54	20180228	Nguyễn Thúy	Đình					9	0		
55	20180231	Thái Quốc	Dũng								
56	20180234	Nguyễn Quốc	Duy					8	0		
57	20180241	Phạm Ngọc Ngân	Hà					9	0		
58	20180249	Nguyễn Thị Ngọc	Hân					9	0		
59	20180253	Huỳnh Hồng	Hạnh					8	0		
60	20180270	Đình Tấn	Hung					8	8		
61	20180275	Lê Quốc	Huy					8	5		
62	20180278	Đặng Ngọc	Huyền					8	5		
63	20180285	Nguyễn Ngọc Yến	Khoa					8	5		
64	20180291	Nguyễn Tuấn	Kiệt					8	5		
65	20180292	Huỳnh Bá	Lâm					8	0		
66	20180297	Nguyễn Thùy	Linh					8	0		
67	20180298	Tiêu Gia	Linh					8	0		
68	20180299	Nguyễn Thị Thanh	Loan					8	0		
69	20180303	Trần Bảo	Long					8	0		
70	20180310	Nguyễn Xuân Hoàng	Minh								
71	20180314	Trần Hoàng	Mỹ					8	0		
72	20180315	Cao Xuân	Nam					8	0		
73	20180326	Lê Thị Thảo	Nguyễn					8	5		
74	20180328	Nguyễn Như	Nguyễn					8	8		
75	20180329	Nguyễn Thị Minh	Nhã					8	5		

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) <u>N.T.T. Mai</u>Chữ ký:	Họ, tên: <u>Nguyễn Thị Kim Dung</u> Chữ ký:	Họ, tên: Chữ ký:
2) <u>N.T. Gia Hằng</u>Chữ ký:		



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM
Học kỳ: 2/22-23



222232002157

Tên học phần: **Môi trường cơ bản**

Mã học phần: **BTE10029**

Lớp: **1**

Ngày thi: **21/04/2023** Giờ thi: **8:45 - 9:45**

Phòng thi: **E106**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P. Thập phân		
76	20180330	Đỗ Thành	Nhân			☐	8	5			
77	20180337	Trần Yến	Nhi			☐	8	5			
78	20180340	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Như			☒					
79	20180346	Nguyễn Việt Kiều	Oanh			☐	8	5			
80	20180351	Đinh Thiên	Phúc			☒					
81	20180352	Lê Phương Thiên	Phúc			☐	8	5			
82	20180356	Bùi Hoàng	Quân			☐	8	5			
83	20180357	An Đăng	Quang			☐	8	5			
84	20180358	Hồ Phương	Quyên			☐	7	0			
85	20180359	Nguyễn Lê Ngọc	Quỳnh			☐	7	0			
86	20180360	Nguyễn Thị Diễm	Quỳnh			☐	8	5			
87	20180361	Ngụy Văn	San			☐	7	8			
88	20180364	Nguyễn Hoàng	Thái			☐	8	5			
89	20180367	Lâm Tấn	Thành			☐	8	8			
90	20180368	Bùi Lâm Thanh	Thảo			☐	9	5			
91	20180369	Võ Lê Mai	Thảo			☐	8	5			
92	20180370	Trần Thị Anh	Thị			☒					
93	20180371	Nguyễn Hữu	Thịnh			☐	8	5			
94	20180374	Nguyễn Thị Cẩm	Thu			☐	8	3			
95	20180375	Đoàn Lê Anh	Thư			☐	9	5			
96	20180378	Tạ Hà Anh	Thư			☐	7	8			
97	20180381	Ngô Quan	Thuận			☐	7	0			
98	20180385	Nguyễn Thị Hoài	Thương			☐	7	5			
99	20180387	Huỳnh Phan Như	Thùy			☒					
100	20180390	Hoàng Tổ	Trâm			☐	8	3			

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trường khoa, bộ môn
Họ, tên: N.T. Gia Hằng Chữ ký:	Họ, tên: Nguyễn Thị Kim Dung Chữ ký:	Họ, tên: Chữ ký:
2) N.T.T. Mai Chữ ký:		



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232002158

Tên học phần: **Môi trường cơ bản**

Mã học phần: **BTE10029**

Lớp: **1**

Ngày thi: **21/04/2023** Giờ thi: **9:45 - 10:45**

Phòng thi: **E106**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ã n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
101	20180394	Đinh Thị Kiều	Trang			☐	8	0			
102	20180403	Huỳnh Hoa	Trúc			☐	8	0			
103	20180406	Trần Văn	Trung			☐	8	0			
104	20180407	Lê Thị Minh	Tú			☐	8	0			
105	20180408	Bùi Mạnh	Tuấn			☒					
106	20180425	Đào Như	Ý			☐	9	5			
107	20180427	Trần Thị Nhã	Yên			☐	9	5			
108						☐					
109						☐					
110						☐					
111						☐					
112						☐					
113						☐					
114						☐					
115						☐					
116						☐					
117						☐					
118						☐					
119						☐					
120						☐					
121						☐					
122						☐					
123						☐					
124						☐					
125						☐					

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) <u>NTTT Mai</u> Chữ ký:	Họ, tên: <u>Nguyễn Thị Kim Dung</u>	Họ, tên:
2) <u>N.T. Gia Hằng</u> Chữ ký:	Chữ ký:	Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-NVC

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232002216

Tên học phần: CNSH Sau thu hoạch

Mã học phần: BTE10203

Lớp: 1

Ngày thi: 27/4/2023

Giờ thi: 12g30

Phòng thi: F301

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ấ n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
1	19150016	Nguyễn Phạm Ánh	Minh					8	5	Tám rưỡi	
2	19180081	Nguyễn Thị Mỹ	Ái					8	5	Tám rưỡi	
3	19180091	Trần Nguyễn Tuyết	Băng					9	0	chín	
4	19180107	Võ Hoàng Gia	Hân					7	5	Bảy rưỡi	
5	19180180	Trần Thu	An					9	0	chín	
6	19180185	Đào Minh	Anh					9	0	chín	
7	19180201	Nguyễn Thiện	Bình				1	0	0	Mười	
8	19180202	Phan Ngọc	Châu					9	0	chín	
9	19180212	Phan Tuấn	Đạt					8	0	Tám	
10	19180214	Trần Nguyễn Ngọc	Diễm					9	5	chín rưỡi	
11	19180215	Phạm Thị	Diệu					8	5	Tám rưỡi	
12	19180216	Nguyễn Thị	Dinh					9	5	chín rưỡi	
13	19180217	Nguyễn Thị	Dung					7	0	Bảy	
14	19180224	Trần Thị	Giang					9	0	chín	
15	19180225	Hoàng Thị	Hà					8	5	Tám rưỡi	
16	19180227	Trần Thanh	Hà					9	0	chín	
17	19180238	Trần Thị Lệ	Hằng					9	5	chín rưỡi	
18	19180248	Huỳnh Thị Thương	Hiền					9	5	chín rưỡi	
19	19180258	Trịnh Vũ Minh	Hoàng				1	0	0	Mười	
20	19180260	Lê Ngọc Huy	Hưng					9	5	chín rưỡi	
21	19180265	Lê Thị Thiên	Hương					9	0	chín	
22	19180278	Trần Tuấn	Khang					8	5	Tám rưỡi	
23	19180282	Nguyễn Quốc	Khánh				1	0	0	Mười	
24	19180288	Mai Hoàng	Lịch					9	5	chín rưỡi	
25	19180290	Nguyễn Thị Hồng	Liên					9	0	chín	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) Chữ ký:	Họ, tên: 1) Chữ ký:	Họ, tên: Chữ ký:
2) Chữ ký:	 Chữ ký:	



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-NVC

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232002217

Giữa kỳ

Tên học phần: CNSH Sau thu hoạch

Mã học phần: BTE10203

Lớp: 1

Ngày thi: 27/4/2023

Giờ thi: 12g30

Phòng thi F301

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P. Thập phân		
26	19180300	Hồ Thị	Ly			☐		9	5	chín rưỡi	
27	19180301	Trần Thị Thanh	Mai			☐		9	5	chín rưỡi	
28	19180302	Nguyễn Trần Diễm	Mi			☐	1	0	0	Mười	
29	19180306	Phan Trịnh Thảo	My			☐		9	0	chín	
30	19180310	Nguyễn Thảo	Ngân			☐		9	5	chín rưỡi	
31	19180312	Trần Gia	Nghi			☐		9	5	chín rưỡi	
32	19180317	Mai Danh	Nhân			☐		9	5	chín rưỡi	
33	19180326	Huỳnh	Như			☐		9	5	chín rưỡi	
34	19180347	Nguyễn Thị Thu	Phương			☐		9	5	chín rưỡi	
35	19180348	Trần Ngọc Anh	Phương			☐		8	0	Tám	
36	19180352	Lê Anh	Quân			☐		9	0	chín	
37	19180355	Nguyễn Thế	Quang			☐		9	5	chín rưỡi	
38	19180356	Đỗ Ngọc	Quốc			☐		9	0	chín	
39	19180359	Hồ Thị Mỹ	Quyên			☐		9	0	chín	
40	19180360	Ngô Thị Mỹ	Quyên			☐		8	0	Tám	
41	19180361	Lê Ngọc Diễm	Quỳnh			☐		9	0	chín	
42	19180366	Tôn Trúc	Quỳnh			☐		8	0	Tám	
43	19180369	Nguyễn Phước	Sang			☐		8	0	Tám	
44	19180372	Trần Phước	Sơn			☐		8	0	Tám	
45	19180387	Võ Hoài	Thanh			☐		9	5	chín rưỡi	
46	19180390	Cao Thị Thanh	Thảo			☐		8	5	Tám rưỡi	
47	19180399	Nguyễn Thị Mỹ	Thu			☐		9	0	chín	
48	19180401	Phạm Thị Ánh	Thư			☐		9	5	chín rưỡi	
49	19180412	Sơn Thanh	Toàn			☐		8	5	Tám rưỡi	
50	19180414	Bùi Thị Bích	Trâm			☐		8	5	Tám rưỡi	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) Chữ ký:	Họ, tên: Chữ ký:	Họ, tên: Chữ ký:
2)..... Chữ ký:	 Chữ ký:	



22232002218



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-NVC

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23

Giữa kỳ

Tên học phần: CNSH Sau thu hoạch

Mã học phần: BTE10203

Lớp: 1

Ngày thi: 27/4/2023

Giờ thi: 12g30

Phòng thi: 301

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thấp phần		
51	19180428	Nguyễn Thị Phương	Trang					9	5	Chín rưỡi	
52	19180444	Nguyễn Anh	Tuấn					8	5	Tám rưỡi	
53	19180450	Phạm Thị Thanh	Tuyền				1	0	0	Mười	
54	19180464	Trần Đỗ Hoàng	Vũ					7	5	Bảy rưỡi	
55	20180045	Nguyễn Trọng	Khương					9	0	Chín	
56	20180080	Nguyễn Huỳnh Thủy	Tiên					9	5	Chín rưỡi	
57	20180086	Trương Nhật	Uyên					9	0	Chín	
58	20180152	Nguyễn Ngọc Như	Quỳnh					9	5	Chín rưỡi	
59	20180161	Mai Huỳnh Chí	Thông					9	0	Chín	
60	20180190	Nguyễn Ngọc	Xuyến				1	0	0	Mười	
61	20180196	Lê Quốc	An				1	0	0	Mười	
62	20180211	Đỗ Thị Ngọc	Ánh					8	5	Tám rưỡi	
63	20180215	Lê Thị Thanh	Bình				1	0	0	Mười	
64	20180221	Nguyễn Trần Minh	Chí					9	0	Chín	
65	20180242	Trần Lê Ngọc	Hà					7	5	Bảy rưỡi	
66	20180243	Huỳnh Thị	Hải				1	0	0	Mười	
67	20180244	Trương Văn Thanh	Hải					9	5	Chín rưỡi	
68	20180256	Nguyễn Thị Thúy	Hiền					6	5	Sáu rưỡi	
69	20180262	Võ Thị Kim	Hoa					8	0	Tám	
70	20180266	Ngô Thị Bách	Hợp					9	0	Chín	
71	20180276	Võ Kim	Huy					9	5	Chín rưỡi	
72	20180277	Võ Trương Đăng	Huy					9	0	Chín	
73	20180295	Lương Nguyễn Phúc	Linh					7	5	Bảy rưỡi	
74	20180332	Phan Đức	Nhật					9	0	Chín	
75	20180333	Dương Thị Yến	Nhi					9	5	Chín rưỡi	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) Chữ ký: 2) Chữ ký:	Họ, tên: Chữ ký:	Họ, tên: Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
ĐH-CQ-NVC

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232002219

Tên học phần: CNSH Sau thu hoạch

Mã học phần: BTE10203

Lớp: 1

Ngày thi: 27/4

Giờ thi: 12g 30

Phòng thi: 301

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ắ n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
76	20180341	Nguyễn Thị Huỳnh	Như		<i>[Signature]</i>	☐		9	5	Chín rưỡi	
77	20180347	Nguyễn Thị Hồng	Phấn		<i>[Signature]</i>	☐		9	5	Chín rưỡi	
78	20180348	Đào Đại	Phát		<i>[Signature]</i>	☐		9	5	Chín rưỡi	
79	20180363	Quách Thành	Tâm		<i>[Signature]</i>	☐	1	0	0	Mười	
80	20180382	Nguyễn Hoàng Bình	Thuận		<i>[Signature]</i>	☐		9	0	Chín	
81	20180385	Nguyễn Thị Hoài	Thương		<i>[Signature]</i>	☐		8	5	Tám rưỡi	
82	20180393	Trần Huỳnh Yến	Trần		<i>[Signature]</i>	☐		9	5	Chín rưỡi	
83	20180395	Lê Thị Thùy	Trang		<i>[Signature]</i>	☐		9	5	Chín rưỡi	
84	20180397	Phan Hoàng Đoàn	Trang		<i>[Signature]</i>	☐		9	5	Chín rưỡi	
85	20180400	Nguyễn Thị Ngọc	Trình		<i>[Signature]</i>	☐		9	5	Chín rưỡi	
86	20180404	Huỳnh Thanh	Trúc		<i>[Signature]</i>	☐		9	0	Chín	
87	20180409	Lê Tâm	Tuệ		<i>[Signature]</i>	☐		9	5	Chín rưỡi	
88	20180413	Huỳnh Hồng Phượng	Vân		<i>[Signature]</i>	☐		9	5	Chín rưỡi	
89	20180415	Lê Nguyễn Tường	Vi		<i>[Signature]</i>	☐		9	5	Chín rưỡi	
90	20180421	Ngô Tường	Vy		<i>[Signature]</i>	☐		9	0	Chín	
91	20180428	Nguyễn Thị Ngọc	Yến		<i>[Signature]</i>	☐	1	0	0	Mười	
92						☐					
93						☐					
94						☐					
95						☐					
96						☐					
97						☐					
98						☐					
99						☐					
100						☐					

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) <i>[Signature]</i> Chữ ký: <i>[Signature]</i> 2) Chữ ký:	Họ, tên: Chữ ký: <i>[Signature]</i>	Họ, tên: Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232001794

Tên học phần: **Hóa đại cương 1**Mã học phần: **CHE00001**Lớp: **22VLH2**Ngày thi: **28/04/2023**Giờ thi: **07g45**Phòng thi: **F106**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ắ n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
1	1713032	Nguyễn Khoa	Đức			☐		1	5	Một năm	
2	1713120	Hoàng Ngọc	Son			☐		1	8	Một tám	
3	1713123	Bùi Tấn	Tài			☐		3	3	Ba ba	
4	1713152	Nguyễn Văn	Trung			☒					
5	1721007	Nguyễn Thành	Chương			☐		1	5	Một năm	
6	1722023	H Đôn	Kriêng			☐		2	0	Hai không	
7	1722027	Thiên Ánh	Thy			☐		2	7	Hai bảy	
8	1722035	Nguyễn Hải	Đặng			☒					
9	1722102	Trần Minh	Quang			☐		5	0	Năm không	
10	18130046	Trương Thị Ngọc	Hà			☐		5	2	Năm hai	
11	18130133	Lương Phan Hiếu	Thảo			☒					
12	18130149	Hứa Minh	Trí			☐		4	2	Bốn hai	
13	18130157	Lê Anh	Tú			☐		4	2	Bốn hai	
14	18150300	Trần Thị Phương	Thảo			☐		3	9	Ba chín	
15	18170032	Nguyễn Thị Mai	Chi			☐		3	6	Ba sáu	
16	18190007	Trần Nguyễn Nguyên	An			☐		4	8	Bốn tám	
17	18190035	Nguyễn Hoàng	Đan			☐		3	9	Ba chín	
18	18210003	Đặng Minh	Anh			☐		2	6	Hai sáu	
19	19130207	Nguyễn Huỳnh	Như			☐		1	8	Một tám	
20	19130232	Trịnh Hoàng	Thông			☐		4	2	Bốn hai	
21	19130239	Lâm Hoàng Ngọc	Trâm			☐		6	9	Sáu chín	
22	19170084	Đỗ Ô Trần	Phượng			☐		5	6	Năm sáu	
23	19170136	Đoàn Thị Mỹ	Diễm			☐		4	2	Bốn hai	
24	19170162	Bùi Thị Thu	Huyền			☐		2	9	Hai chín	
25	19170171	Hồ Nguyễn Hồng	Lam			☐		6	1	Sáu một	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) <u>Trần Quốc Minh</u> Chữ ký:	Họ, tên: <u>Nguyễn T. Thanh Thủy</u>	Họ, tên:
2) <u>Ngô Thị Quốc Nam</u> Chữ ký:	Chữ ký:	Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232001795

Tên học phần: **Hóa đại cương 1**Mã học phần: **CHE00001**Lớp: **22VLH2**Ngày thi: **28/04/2023**Giờ thi: **07g45**Phòng thi: **F106**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ấ n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P. Thập phần		
26	19170193	Phạm Thành	Nhon			☐		2	7	Hai bảy	
27	19170194	Chế Thị Quỳnh	Như			☐		4	5	Bốn năm	
28	19190013	Phạm Thị Ngọc	Anh			☐		5	6	Năm sáu	
29	19190077	Nguyễn Thị Trinh	Nghi			☐		3	3	Ba ba	
30	19190142	Trần Thị Thúy	Ái			☐		5	5	Năm năm	
31	19190148	Lý Gia	Bảo			☐		3	0	Ba không	
32	19190221	Phan Lê	Phúc			☐		4	2	Bốn hai	
33	19210019	Trần Mai Khang	Thịnh			☐		6	2	Sáu hai	
34	19210034	Võ Huỳnh	Hương			☐		2	3	Hai ba	
35	19230062	Phạm Nguyễn Trung	Nam			☐		2	4	Hai bốn	
36	20130148	Lê Thanh	Vũ			☒					
37	20150275	Phùng Nguyễn Thanh	Thùy			☒					
38	20180259	Võ Trí	Hiếu			☐		3	9	Ba chín	
39	20220039	Đào Ngọc Cẩm	Hồng			☒					
40	20220041	Nguyễn Vũ Gia	Huy			☐		1	5	Một năm	
41	20220048	Vũ Bảo	Long			☐		0	9	không chín	
42	20220059	Nguyễn Duy	Phùng			☐		3	0	Ba không	
43	20220062	Trần Ngọc	Phước			☐		0	6	không sáu	
44	20220066	Trần Thị Tú	Quyên			☒					
45	20220085	Nguyễn Phạm Phương	Thy			☐		1	8	Một tám	
46	20220092	Trần Công	Trứ			☐		1	8	Một tám	
47	21120105	Trương Thành	Nhân			☐		7	3	Bảy ba	
48	21130297	Nguyễn Tống Bảo	Trâm			☐		2	4	Hai bốn	
49	21190067	Lưu Văn	Hào			☐		1	5	Một năm	
50	21210004	Lưu Huỳnh Ngọc	Mai			☐		2	4	Hai bốn	

Cán bộ coi thi

Cán bộ chấm thi

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên:
1) Lý Hoàng Nam Chữ ký:
2) Trần Quang Minh Chữ ký:

Họ, tên:
Nguyễn T. Thanh Thủy
Chữ ký:

Họ, tên:
.....
Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM
Học kỳ: 2/22-23



222232001796

Tên học phần: **Hóa đại cương 1**Mã học phần: **CHE00001**Lớp: **22VLH2**Ngày thi: **28/04/2023**Giờ thi: **07g45**Phòng thi: **F106**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chức	Hàng đơn vị	P.Thấp phần		
51	21210010	Nguyễn Thị Ngọc	Tâm		<i>Ngoc</i>	☐		4	2	Bốn hai	
52	21210034	Lê Thị Phương	Thảo		<i>Phuong</i>	☐		2	4	Hai bốn	
53	21210035	Nguyễn Anh	Thơ		<i>Anh</i>	☐		3	3	Ba ba	
54	21210041	Trịnh Thị Cẩm	Tú		<i>Cam</i>	☐		3	6	Ba sáu	
55	21210044	Trương Mỹ	Xuyên		<i>My</i>	☐		3	0	Ba không	
56	21280052	Lê Võ Bảo	Trâm		<i>Bao</i>	☐		8	0	Tám không	
57	22120285	Nguyễn Văn	Phước		<i>Van</i>	☐		6	8	Sáu tám	
58	22120294	Cao Minh	Quang		<i>Minh</i>	☐		7	0	Bảy không	
59	22130118	Nguyễn Hồng	Ngọc		<i>Hong</i>	☐		1	2	Một hai	
60	22130119	Nguyễn Như	Ngọc		<i>Nhu</i>	☒					
61	22130120	Phan Thị Thu	Ngọc		<i>Thu</i>	☐		0	9	Không chín	
62	22130121	Trương Gia	Ngọc		<i>Gia</i>	☒					
63	22130123	Nguyễn Ngọc	Nguyên		<i>Ngoc</i>	☐		3	6	Ba sáu	
64	22130124	Nguyễn Trần Thảo	Nguyên		<i>Thao</i>	☐		4	5	Bốn năm	
65	22130125	Trần Ngọc Phương	Nguyên		<i>Phuong</i>	☐		1	8	Một tám	
66	22130135	Nguyễn Minh	Như		<i>Minh</i>	☐		4	2	Bốn hai	
67	22130137	Tạ Ngọc Hoàng	Phát		<i>Hoang</i>	☒					
68	22130138	Nguyễn Lê Mạnh	Phi		<i>Manh</i>	☐		4	5	Bốn năm	
69	22130139	Phạm Thanh	Phong		<i>Thanh</i>	☒					
70	22130141	Trịnh Tấn	Phúc		<i>Tan</i>	☐		1	8	Một tám	
71						☐					
72						☐					
73						☐					
74						☐					
75						☐					

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Trưởng khoa, bộ môn	
Họ, tên:		Họ, tên:		Họ, tên:	
1) <i>Nguyễn Hoàng Nam</i>	Chữ ký: <i>Nam</i>	1) <i>Nguyễn T. Thanh Thủy</i>	Chữ ký: <i>Thuy</i>		
2) <i>Nguyễn Thị Quý Nam</i>	Chữ ký: <i>Nam</i>				



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232001792

Tên học phần: **Hóa đại cương 1**Mã học phần: **CHE00001**Lớp: **22VLH2**Ngày thi: **28/04/2023**Giờ thi: **07g45**Phòng thi: **F104**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ắ n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P. Thập phần		
1	22130142	Đoàn Lê Phi	Phụng					3	3	Ba ba	
2	22130145	Trương Ngô Ân	Phượng					6	4	Sáu bốn	
3	22130147	Phạm Minh	Quang					8	2	Tám hai	
4	22130148	Trần Duy	Quý					1	5	Một năm	
5	22130149	Lê Võ Bảo	Quyên					2	6	Hai sáu	
6	22130151	Trần Hương	Quỳnh								
7	22130152	Trần Thảo Như	Quỳnh								
8	22130159	Nguyễn Huỳnh	Tâm					7	6	Bảy sáu	
9	22130161	Lê Phan Quốc	Thắng					3	8	Ba tám	
10	22130163	Trần Ngọc Toàn	Thắng					1	2	Một hai	
11	22130169	Phạm Phúc	Thịnh					4	4	Bốn bốn	
12	22130171	Trần Lê Quốc	Thống					7	6	Bảy sáu	
13	22130172	Đoàn Võ Anh	Thư					1	8	Một tám	
14	22130175	Nguyễn Ngọc Minh	Thư					6	4	Sáu bốn	
15	22130176	Lương Đức	Thuận					5	2	Năm hai	
16	22130177	Phan Lê Minh	Thuận					5	3	Năm ba	
17	22130178	Phan Thị Khánh	Thuận					5	6	Năm sáu	
18	22130179	Hồ Thị Hà	Tiên					1	5	Một năm	
19	22130182	Cao Văn	Tiến					4	4	Bốn bốn	
20	22130185	Nguyễn Minh	Tiến					0	0	không không	
21	22130186	Trần Nhật	Tiến					5	5	Năm năm	
22	22130187	Vũ Mạnh	Tiến					4	8	Bốn tám	
23	22130189	Nguyễn Trí	Tín								
24	22130192	Phan Thị Quỳnh	Trâm					4	5	Bốn năm	
25	22130194	Nguyễn Thị Huyền	Trang					3	3	Ba ba	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) Chữ ký:	Họ, tên: Chữ ký:	Họ, tên: Chữ ký:
2) Chữ ký:		



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM
Học kỳ: 2/22-23



222232001793

Tên học phần: **Hóa đại cương 1**Mã học phần: **CHE00001**Lớp: **22VLH2**Ngày thi: **28/04/2023**Giờ thi: **07g45**Phòng thi: **F104**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ắ n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
26	22130195	Nguyễn Võ Yến	Trang			☐		3	6	Ba sáu	
27	22130196	Trần Ngọc Thu	Trang			☐		4	2	Bốn hai	
28	22130198	Lê Tiến	Triển			☒					
29	22130199	Nguyễn Ngô Thùy	Trinh			☐		4	8	Bốn tám	
30	22130200	Thân Phương	Trinh			☐		5	7	Năm bảy	
31	22130202	Lê Quách Hoài	Trung			☐		0	3	không ba	
32	22130203	Nguyễn Việt	Trung			☐		4	8	Bốn tám	
33	22130207	Trương Ngọc Hồng	Tú			☐		0	9	không chín	
34	22130209	Lê Hoàng	Tuấn			☒					
35	22130211	Lương Tiểu	Tuệ			☐		4	7	Bốn bảy	
36	22130212	Lê Thanh	Tùng			☒					
37	22130213	Huỳnh Nguyễn Kim	Tuyền			☐		1	8	Một tám	
38	22130215	Võ Thiện	Văn			☐		4	8	Bốn tám	
39	22130217	Đỗ Huỳnh Gia	Vĩ			☐		4	5	Bốn năm	
40	22130218	Phan Thành	Vinh			☒					
41	22130219	Vũ Thiên	Vinh			☐		4	5	Bốn năm	
42	22130223	Lý Khả	Vy			☐		5	9	Năm chín	
43	22130224	Nguyễn Trần Lan	Vy			☐		4	4	Bốn bốn	
44	22130226	Hà Mỹ	Xuân			☐		3	5	Ba năm	
45	22130227	Lê Như	Ý			☐		1	5	Một năm	
46	22130228	Đoàn Hải	Yến			☐		0	0	không không	
47	22130229	Phan Thị Hải	Yến			☐		4	8	Bốn tám	
48	22190100	Dương	Vũ			☒					
49						☐					
50						☐					

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) Chữ ký:	Họ, tên: Chữ ký:	Họ, tên: Chữ ký:
2) Chữ ký:		



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM
Học kỳ: 2/22-23



222232001308

Tên học phần: **Kỹ thuật lập trình**Mã học phần: **CSC10002**Lớp: **22CTT5**Ngày thi: **06/05/2023**Giờ thi: **09g00**Phòng thi: **E104**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ắ n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
1	18120267	Nguyễn Hoàng Cao	Son								
2	18120445	Hoàng Nguyễn Hải	Long								
3	19120537	Trần Quốc	Huy								
4	19120614	Lê Nguyễn Tâm	Nhi					1	5	Một rưỡi	
5	20120323	Nguyễn Hoàng	Long								
6	20120338	Lê Trung	Nguyên					1	0	Một	
7	20120613	Lê Bá Quốc	Tuấn								
8	21120062	Trần Lê Giang	Hà								
9	21120199	Trần Quốc	Anh					7	5	Bảy rưỡi	
10	21120232	Đặng Tiến	Duy								
11	21120393	Nguyễn Hữu	Thương					9	5	Chín rưỡi	
12	21120563	Huỳnh Thanh	Thoại					5	0	Năm	
13	21120612	Nguyễn Minh	Thuận					7	5	Bảy rưỡi	
14	22120266	Phạm Trần Thanh	Phong								
15	22120267	Đặng Hữu	Phú					5	5	Năm rưỡi	
16	22120268	Nguyễn Đình	Phú					4	5	Bốn rưỡi	
17	22120269	Nguyễn Hoài	Phú					7	5	Bảy rưỡi	
18	22120270	Bùi Hồng	Phúc					8	5	Tám rưỡi	
19	22120271	Dương Hoàng Hồng	Phúc					8	5	Tám rưỡi	
20	22120272	Hà Gia	Phúc					5	5	Năm rưỡi	
21	22120276	Nguyễn Lê Anh	Phúc					8	0	Tám	
22	22120277	Nguyễn Văn	Phúc					3	0	Ba	
23	22120278	Nguyễn Văn Hoàng	Phúc					8	5	Tám rưỡi	
24	22120279	Phạm Tài	Phúc					5	0	Năm	
25	22120280	Phan Hồng	Phúc					9	0	Chín	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trường khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) Chữ ký:	Họ, tên: Chữ ký:	Họ, tên: Chữ ký:
2) Chữ ký:		



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232001309

Tên học phần: **Kỹ thuật lập trình**

Mã học phần: **CSC10002**

Lớp: **22CTT5**

Ngày thi: **06/05/2023**

Giờ thi: **09g00**

Phòng thi: **E104**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ấ n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
26	22120284	Dương Kim	Phụng		<i>Phung</i>	☐		6	0	Sáu	
27	22120285	Nguyễn Văn	Phước		<i>Phuoc</i>	☐		4	0	Bốn	
28	22120286	Lê Võ Minh	Phương		<i>Phuoc</i>	☐		8	5	Tám rưỡi	
29	22120287	Nguyễn Mạnh	Phương		<i>Phuong</i>	☐		9	0	Chín	
30	22120288	Đỗ Thị Kim	Phượng		<i>Phuong</i>	☐		7	0	Bảy	
31	22120289	Hồ Ngọc Trung	Quân		<i>Quang</i>	☐		9	0	Chín	
32	22120290	Lê Minh	Quân		<i>Quang</i>	☐		8	5	Tám rưỡi	
33	22120292	Nguyễn Hải	Quân		<i>Quang</i>	☐		3	5	Ba rưỡi	
34	22120293	Võ Hoàng Anh	Quân		<i>Quang</i>	☐		6	0	Sáu	
35	22120294	Cao Minh	Quang		<i>Quang</i>	☐		8	5	Tám rưỡi	
36	22120295	Hồ Minh	Quang		<i>Quang</i>	☐		4	5	Bốn rưỡi	
37	22120296	Lê Văn	Quang		<i>Quang</i>	☐		8	0	Tám	
38	22120299	Võ Quốc	Quang		<i>Quoc</i>	☐		5	5	Năm rưỡi	
39	22120300	Nguyễn Tiến	Quốc		<i>Quoc</i>	☐		6	0	Sáu	
40	22120301	Nguyễn Trung	Quốc		<i>Quoc</i>	☐		9	0	Chín	
41	22120302	Đặng	Quý		<i>Quoc</i>	☐		7	0	Bảy	
42	22120303	Mai Xuân	Quý		<i>Quoc</i>	☐		8	5	Tám rưỡi	
43	22120304	Nguyễn Thị Kim	Quý		<i>Quoc</i>	☐		4	0	Bốn	
44	22120306	Trần Doãn Thanh	Quý		<i>Quoc</i>	☐		3	5	Ba rưỡi	
45	22120307	Lê Quang Vĩnh	Quyền		<i>Quoc</i>	☐		6	5	Sáu rưỡi	
46	22120308	Nguyễn Trịnh Xuân	Quỳnh		<i>Quoc</i>	☐		6	0	Sáu	
47	22120309	Hồ Quang	Sang		<i>Quoc</i>	☐		7	5	Bảy rưỡi	
48	22120311	Lê Hoàng	Son		<i>Quoc</i>	☐		3	0	Ba	
49	22120312	Nguyễn Ngọc	Son		<i>Quoc</i>	☐		6	0	Sáu	
50	22120314	Lê Tiến	Tài		<i>Quoc</i>	☐		5	0	Năm	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) <i>Nguyễn Chung Thuý</i> Chữ ký: <i>[Signature]</i> 2) <i>Trần Hà Ngọc</i> Chữ ký: <i>[Signature]</i>	Họ, tên: <i>Nguyễn Trang Việt</i> Chữ ký: <i>[Signature]</i>	Họ, tên: Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM
Học kỳ: 2/22-23



222232001310

Tên học phần: **Kỹ thuật lập trình**

Mã học phần: **CSC10002**

Lớp: **22CTT5**

Ngày thi: **06/05/2023**

Giờ thi: **09g00**

Phòng thi: **E104**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ã n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
51	22120315	Nguyễn Văn	Tài					8	0	Tài	
52	22120316	Phan Văn	Tài					9	5	Chín' năm'	
53	22120317	Trần Đại	Tài					6	0	Sáu	
54	22120318	Trần Hữu	Tài					4	5	Bốn' năm'	
55	22120319	Võ Tuấn	Tài					4	5	Bốn' năm'	
56	22120321	Nguyễn Minh	Tâm					6	0	Sáu	
57	22120323	Trần Minh	Tâm					7	0	Bảy	
58	22120324	Võ Thành	Tâm					8	0	Tám	
59	22120325	Nguyễn Nhật	Tân					8	5	Tám' năm'	
60	22120326	Nguyễn Trường	Tân					3	0	Ba	
61	22120328	Trần Nhật	Tân					5	0	Năm	
62	22120329	Hoàng Ngọc	Thạch					7	0	Bảy	
63	22120330	Nguyễn Thanh	Thái					6	5	Sáu' năm'	
64	22120331	Long Văn	Thắng					2	0	Hai	
65	22120334	Nguyễn Quang	Thắng					8	5	Tám' năm'	
66	22120335	Trương Tâm	Thành					6	5	Sáu' năm'	
67	22120336	Võ Tuấn	Thành					5	0	Năm	
68	22120337	Lương Thị Diệu	Thảo					7	0	Bảy	
69	22120338	Đỗ Hạnh	Thảo					8	5	Tám' năm'	
70	22120339	Nguyễn Thị Anh	Thi								
71	22120341	Nguyễn Minh	Thiện					7	0	Bảy	
72	22120343	Đinh Đức	Thiện					6	0	Sáu	
73	22120344	Nguyễn Minh	Thiện					7	0	Bảy	
74	22120345	Võ Khắc	Thiện					4	5	Bốn' năm'	
75	22120347	Nguyễn Quốc	Thịnh					8	0	Tám	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Trưởng khoa, bộ môn	
Họ, tên:		Họ, tên:		Họ, tên:	
1)	Chữ ký:		Chữ ký:		
2)	Chữ ký:		Chữ ký:		



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM
Học kỳ: 2/22-23



222232001311

Tên học phần: **Kỹ thuật lập trình**

Mã học phần: **CSC10002**

Lớp: **22CTT5**

Ngày thi: **06/05/2023**

Giờ thi: **09g00**

Phòng thi: **E104**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ã n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
76	22120348	Trần Đức	Thịnh		<i>ĐH</i>	☐	8	5		Tám mươi	
77	22120349	Thị Kiều	Thơ		<i>Q</i>	☐	4	0		Bốn	
78	22120351	Vũ Thị Kim	Thoa		<i>W</i>	☐	7	0		Bảy	
79	22120352	Phạm Nguyễn Quang	Thoại		<i>Ph</i>	☐	7	5		Bảy mươi	
80	22120353	Nguyễn Quang	Thông		<i>Ng</i>	☐	7	5		Bảy mươi	
81	22120354	Nguyễn Lê Anh	Thư		<i>Ng</i>	☐	5	0		Năm	
82	22120356	Trần Hoàng Minh	Thư		<i>TH</i>	☐	7	5		Bảy mươi	
83	22120358	Phạm Chí	Thuần		<i>Ph</i>	☐	7	0		Bảy	
84	22120359	Đoàn Minh	Thuận		<i>ĐM</i>	☐	7	5		Bảy mươi	
85	22120360	Lê Phúc	Thuận		<i>LP</i>	☐	7	0		Bảy	
86	22120361	Trần Quang	Thuận		<i>TQ</i>	☐	8	0		Tám	
87	22120362	Đỗ Hữu	Thức		<i>ĐH</i>	☐	4	5		Bốn mươi	
88						☐					
89						☐					
90						☐					
91						☐					
92						☐					
93						☐					
94						☐					
95						☐					
96						☐					
97						☐					
98						☐					
99						☐					
100						☐					

Cán bộ coi thi

Cán bộ chấm thi

Trường khoa, bộ môn

Họ, tên:
1) *Nguyễn B. Chung. Quý* Chữ ký: *VB*
2) *Nguyễn M. Gia* Chữ ký: *GM*

Họ, tên: *Nguyễn Trọng Việt*
Chữ ký: *NTV*

Họ, tên:
Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232001312

Giữa kỳ

Tên học phần: **Kỹ thuật lập trình**

Mã học phần: **CSC10002**

Lớp: **22CTT6**

Ngày thi: **06/05/2023**

Giờ thi: **09g00**

Phòng thi: **E105**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V á n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
1	1712538	Huỳnh	Khôi								
2	1712745	Nguyễn Hồng	Tâm								
3	18120159	Nguyễn	Chân								
4	18120424	Võ Đăng	Khoa								
5	18120642	Tổng Sơn	Tùng								
6	20120159	Nguyễn Sỹ	Phong					3	0	Ba	
7	20120423	Ngô Trọng	Tín								
8	20120440	Lê Trần Bảo	Châu								
9	21120531	Nguyễn Văn	Phúc								
10	21120603	Nguyễn Thị Hồng	Nhung								
11	21120610	Trương Đức	Phát					1	0	Một	
12	22120363	Phan Hồng	Thức					8	5	Tám rưỡi	
13	22120364	Nguyễn Hoài	Thương					9	0	Chín	
14	22120365	Nguyễn Thị Kiều	Tiên					5	5	Năm rưỡi	
15	22120366	Phan Công	Tiên					6	5	Sáu rưỡi	
16	22120367	Lê Hồng	Tiến					6	5	Sáu rưỡi	
17	22120368	Phan Thanh	Tiến					9	5	Chín rưỡi	
18	22120369	Quan Phan	Tiến					7	0	Bảy	
19	22120370	Nguyễn Bùi Vương	Tiến					9	5	Chín rưỡi	
20	22120371	Lý Trọng	Tín					6	5	Sáu rưỡi	
21	22120372	Mai Nguyễn Phước	Tín					5	5	Năm rưỡi	
22	22120375	Lưu Thái	Toàn					8	5	Tám rưỡi	
23	22120376	Nguyễn Đức	Toàn					5	0	Năm	
24	22120378	Nguyễn Ngọc Khánh	Trần					5	5	Năm rưỡi	
25	22120379	Trần Như	Tri					4	5	Bốn rưỡi	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) Chữ ký:	Họ, tên: Chữ ký:	Họ, tên: Chữ ký:
2) Chữ ký:		



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM
Học kỳ: 2/22-23



222232001313

Tên học phần: **Kỹ thuật lập trình**

Mã học phần: **CSC10002**

Lớp: **22CTT6**

Ngày thi: **06/05/2023**

Giờ thi: **09g00**

Phòng thi: **E105**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ắ n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P. Thập phần		
26	22120380	Hồ Nhất	Trí		<i>Trí</i>	☐	4	0		Bốn	
27	22120381	Hoàng Đức	Trí		<i>Trí</i>	☐	4	0		Bốn	
28	22120382	Nguyễn Anh	Trí		<i>Trí</i>	☐	2	0		Hai	
29	22120383	Nguyễn Đăng	Trí		<i>Trí</i>	☐	7	5		Bảy năm	
30	22120384	Nguyễn Đình	Trí		<i>Trí</i>	☐	5	5		Năm năm	
31	22120385	Nguyễn Minh	Trí		<i>Trí</i>	☐	4	5		Bốn năm	
32	22120387	Trần Đức	Trí		<i>Trí</i>	☐	4	5		Bốn năm	
33	22120388	Nguyễn Minh	Triết		<i>Triết</i>	☐	5	5		Năm năm	
34	22120389	Dương Ngọc Kiều	Trình		<i>Trình</i>	☐	6	5		Sáu năm	
35	22120391	Bùi Đức	Trọng			☒					
36	22120392	Nguyễn Quốc	Trọng		<i>Trọng</i>	☐	1	0		Một	
37	22120393	Nguyễn Lê Thanh	Trúc		<i>Trúc</i>	☐	9	5		Chín năm	
38	22120394	Nguyễn Minh	Trực		<i>Trực</i>	☐	7	5		Bảy năm	
39	22120395	Nguyễn Sinh	Trực		<i>Trực</i>	☐	1	0		Một	
40	22120396	Bùi Khắc	Trung		<i>Trung</i>	☐	6	5		Sáu năm	
41	22120398	Vũ Hoàng Nhật	Trường		<i>Trường</i>	☐	6	0		Sáu	
42	22120399	Nguyễn Lê Anh	Tú		<i>Tú</i>	☐	4	5		Bốn năm	
43	22120400	Trần Anh	Tú		<i>Tú</i>	☐	5	0		Năm	
44	22120401	Trần Anh	Tú		<i>Tú</i>	☐	2	0		Hai	
45	22120402	Trương Dương Anh	Tú		<i>Tú</i>	☐	8	0		Tám	
46	22120404	Lê Thanh	Tuấn		<i>Tuấn</i>	☐	3	0		Ba	
47	22120407	Hoàng Ngọc	Tuệ		<i>Tuệ</i>	☐	6	0		Sáu	
48	22120409	Võ Văn	Tùng		<i>Tùng</i>	☐	6	0		Sáu	
49	22120410	Dương Hữu	Tường		<i>Tường</i>	☐	7	5		Bảy năm	
50	22120412	Nguyễn Anh	Tường		<i>Tường</i>	☐	7	0		Bảy	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) <i>Lê Ngọc Thuý Tiên</i> Chữ ký: <i>[Chữ ký]</i> 2) <i>Ngô Đình Bối</i> Chữ ký: <i>[Chữ ký]</i>	Họ, tên: <i>Nguyễn Trọng Việt</i> Chữ ký: <i>[Chữ ký]</i>	Họ, tên: Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232001314

Tên học phần: **Kỹ thuật lập trình**Mã học phần: **CSC10002**Lớp: **22CTT6**Ngày thi: **06/05/2023**Giờ thi: **09g00**Phòng thi: **E105**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phân		
51	22120413	Nguyễn Quốc	Tường		<i>Tường</i>			9	0	Chín	
52	22120414	Nguyễn Vĩnh	Tường		<i>Trang</i>			4	5	Bốn rưỡi	
53	22120415	Trần Quang	Tuyền		<i>Truyền</i>			8	0	Tám	
54	22120416	Huỳnh Thị Kim	Tuyền		<i>Tuyền</i>			9	5	Chín rưỡi	
55	22120417	Đỗ Thị Ánh	Tuyết		<i>Tuyết</i>			9	0	Chín	
56	22120418	Huỳnh Trần	Ty		<i>Ty</i>			9	5	Chín rưỡi	
57	22120419	Nguyễn Văn	Tý		<i>Tý</i>			9	5	Chín rưỡi	
58	22120421	Nguyễn Đoàn Minh	Uyên		<i>Nguyễn</i>			7	0	Bảy	
59	22120422	Nguyễn Phạm Tú	Uyên		<i>Tú</i>			3	5	Ba rưỡi	
60	22120424	Phạm Ngọc Bảo	Uyên		<i>Bảo</i>			6	5	Sáu rưỡi	
61	22120425	Nguyễn Thị Uyên	Nhi		<i>Nhi</i>			7	5	Bảy rưỡi	
62	22120426	Tăng Thị	Vân		<i>Uyên</i>			6	5	Sáu rưỡi	
63	22120427	Nguyễn Mạnh	Vân		<i>Vân</i>			6	0	Sáu	
64	22120429	Hoàng Quốc	Việt		<i>Quốc</i>			7	5	Bảy rưỡi	
65	22120430	Lê Hoàng	Việt		<i>Việt</i>			5	5	Năm rưỡi	
66	22120431	Nguyễn Hùng	Việt		<i>Quốc</i>			4	0	Bốn	
67	22120432	Nông Quốc	Việt		<i>Việt</i>			4	0	Bốn	
68	22120433	Lê Quang	Vinh		<i>Quang</i>			7	5	Bảy rưỡi	
69	22120434	Lê Thành	Vinh		<i>Thành</i>			7	0	Bảy	
70	22120435	Nguyễn Quốc	Vinh		<i>Quốc</i>			7	5	Bảy rưỡi	
71	22120436	Lê Cao Tuấn	Vũ		<i>Vũ</i>			8	0	Tám	
72	22120437	Lê Đình Hoàng	Vũ		<i>Hoàng</i>			1	0	Một	
73	22120439	Nguyễn Hoàng	Vũ		<i>Vũ</i>			4	5	Bốn rưỡi	
74	22120440	Nguyễn Quang	Vũ		<i>Quang</i>			8	0	Tám	
75	22120441	Nguyễn Trường	Vũ		<i>Trường</i>			8	5	Tám rưỡi	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) <i>Ng. Duy Lợi</i> Chữ ký: <i>Ng. Duy Lợi</i> 2) <i>Ng. T. Ngọc Anh</i> Chữ ký: <i>Ng. T. Ngọc Anh</i>	Họ, tên: <i>Nguyễn Trọng Việt</i> Chữ ký: <i>Nguyễn Trọng Việt</i>	Họ, tên: Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/22-23



222232001315

Tên học phần: **Kỹ thuật lập trình**

Mã học phần: **CSC10002**

Lớp: **22CTT6**

Ngày thi: **06/05/2023**

Giờ thi: **09g00**

Phòng thi: **E105**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ã n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
76	22120442	Nguyễn Văn	Vũ		<i>Vũ</i>	☐		7	5	Bảy mươi	
77	22120443	Trương Lê Anh	Vũ		<i>Tr</i>	☐		4	0	Bốn	
78	22120444	Trương Việt	Vũ		<i>Tr</i>	☐		4	0	Bốn	
79	22120445	Lê Quốc	Vương		<i>LQ</i>	☐		8	5	Sáu mươi	
80	22120446	Phạm Tuấn	Vương		<i>Ph</i>	☐		4	0	Bốn	
81	22120448	Bùi Đoàn Thuý	Vy		<i>BT</i>	☐		5	0	Năm	
82	22120449	Lê Nguyễn Huyền	Vy		<i>LN</i>	☐		4	0	Bốn	
83	22120450	Bùi Đình Gia	Vỹ		<i>BD</i>	☐		9	5	Mười chín	
84	22120451	Vũ Thế	Vỹ		<i>VT</i>	☐		4	0	Bốn	
85	22120452	Phạm Tuấn	Anh		<i>Ph</i>	☐		4	5	Bốn mươi	
86	22120453	Trần Minh	Son		<i>TM</i>	☐		6	0	Sáu	
87						☐					
88						☐					
89						☐					
90						☐					
91						☐					
92						☐					
93						☐					
94						☐					
95						☐					
96						☐					
97						☐					
98						☐					
99						☐					
100						☐					

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) <i>Ng. Duy Lân</i> Chữ ký: <i>DL</i> 2) <i>Ng. T. Ngọc Diệp</i> Chữ ký: <i>ND</i>	Họ, tên: <i>Nguyễn Trọng Việt</i> Chữ ký: <i>NTV</i>	Họ, tên: Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/22-23



222232001861

Tên học phần: **Khoa học vật liệu trong công nghệ sinh học**

Mã học phần: **MST10114**

Lớp: **20CYS**

Ngày thi: **28/04/2023**

Giờ thi: **09g00**

Phòng thi: **F106**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ấ n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
1	20250020	Lê Hồng	Thọ				9	5		Chín phẩy năm	
2	20250021	Nguyễn Đăng	Tiến				3	8		Ba phẩy tám	
3	20250026	Trần Quốc	Đạt				6	0		Sáu	
4	20250029	Phạm Quốc Thái	Hiển				3	3		Ba phẩy ba	
5	20250034	Lê Gia	Huy				6	5		Sáu phẩy năm	
6	20250041	Nguyễn Hoài	Nam				3	8		Ba phẩy tám	
7	20250045	Phùng Thị Huỳnh	Như				4	0		Bốn	
8	20250046	Trịnh Ngọc Phương	Như				4	3		Bốn phẩy ba	
9	20250053	Lương Thị Mỹ	Thi				6	5		Sáu phẩy năm	
10	20250062	Nguyễn Thị Diễm	Xuân				3	8		Ba phẩy tám	
11											
12											
13											
14											
15											
16											
17											
18											
19											
20											
21											
22											
23											
24											
25											

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) <u>Ngô Thị Quý Nam</u> Chữ ký: <u></u> 2) <u>Trần Quang Minh</u> Chữ ký: <u></u>	Họ, tên: <u>Từ Thị Trâm Anh</u> Chữ ký: <u></u>	Họ, tên: Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232001078

Tên học phần: **Toán cao cấp C**

Mã học phần: **MTH00002**

Lớp: **22SHH1**

Ngày thi: **04/05/2023**

Giờ thi: **07g45**

Phòng thi: **F204**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
1	1722023	H Đôn	Kriêng					5	5		
2	18150025	Vũ Trí	Vy					9	5		
3	18150229	Huỳnh Thúy	Nhi								
4	18150299	Nguyễn Thị Như	Thảo					7	5		
5	18150303	Lương Hoài	Thi								
6	18150358	Phạm Trần Thiên	Trang					9	5		
7	18160008	Trần Khánh	Duy					3	0		
8	18160051	Hồ Minh	Trung					0	5		
9	19150265	Trần Thị Bé	Út					1	0		
10	19150293	Phan Thị Mỹ	Chinh					4	0		
11	19150307	Lâm Anh	Duy					4	5		
12	19150466	Nguyễn Hoàng Minh	Thư					7	5		
13	19170221	Nguyễn Thị Mỹ	Tho					4	0		
14	19170802	Võ Thị Ngọc	Nhi					4	0		
15	19190178	Bùi Quang Vũ	Huy					8	5		
16	20150038	Trần Đức	Huy					8	5		
17	20150105	Kiều Từ Thiên	Thái					3	0		
18	20150121	Nguyễn Thị Cẩm	Bình					5	0		
19	20180040	Lê Thái Phương	Khanh								
20	21140083	Phạm Ngọc Tổ	Như					4	0		
21	21140371	Trần Phương	Linh					9	0		
22	21150033	Trần Quang	Dương					8	5		
23	21150133	Trần Thị Như	Ý					6	0		
24	21150141	Lương Vân	Anh					7	5		
25	21150152	Vũ Thị Vân	Anh					6	0		

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Trưởng khoa, bộ môn	
Họ, tên:	Chữ ký:	Họ, tên:	Chữ ký:	Họ, tên:	Chữ ký:
1)					
2)					



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232001079

Tên học phần: **Toán cao cấp C**

Mã học phần: **MTH00002**

Lớp: **22SHH1**

Ngày thi: **04/05/2023**

Giờ thi: **07g45**

Phòng thi: **F204**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ã n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
26	21150173	Nguyễn Quốc	Dũng		<i>Quoc</i>	○	7	5			
27	21150202	Nguyễn Thị Thu	Hiền		<i>NTT</i>	○	3	0			
28	21150241	Nguyễn Phan Thùy	Linh		<i>NPT</i>	○	4	5			
29	21150242	Nguyễn Thùy	Linh		<i>NTL</i>	○	4	5			
30	21150338	Trần Thị Mỹ	Thanh		<i>TTM</i>	○	5	0			
31	21150342	Tô Ngọc Thanh	Thảo		<i>TNT</i>	○	2	0			
32	21170117	Lâm Uy	Lợi		<i>LU</i>	○	6	5			
33	21180121	Phạm Hoài	Thương		<i>PH</i>	○	8	0			
34	22150002	Phan Duy	An			●					
35	22150003	Trần Đoàn Khả	Ân		<i>TK</i>	○	7	0			
36	22150004	Đặng Ngân	Anh		<i>DN</i>	○	8	0			
37	22150005	Hoàng Lan	Anh		<i>HL</i>	○	6	0			
38	22150006	Lâm Duy	Anh		<i>LD</i>	○	8	5			
39	22150007	Lê Võ Phương	Anh		<i>LVP</i>	○	1	0	0		
40	22150008	Nguyễn Đặng Hải	Anh			●					
41	22150010	Nguyễn Mai	Anh			●					
42	22150011	Nguyễn Ngọc Vân	Anh		<i>NNV</i>	○	7	0			
43	22150012	Nguyễn Phan Diệu	Anh			●					
44	22150013	Phạm Ngọc Bảo	Anh		<i>PNB</i>	○	6	5			
45	22150014	Tổng Hà Mai	Anh		<i>THM</i>	○	9	0			
46	22150016	Hồ Việt	Bách		<i>HV</i>	○	6	0			
47	22150017	Đinh Thiên	Bảo		<i>DT</i>	○	5	5			
48	22150019	Phan Quốc	Bảo		<i>PQ</i>	○	5	0			
49	22150020	Trần Chí	Bảo		<i>TC</i>	○	1	0	0		
50	22150021	Nguyễn Ngọc Thanh	Bình		<i>NNT</i>	○	9	0			

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trường khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) <i>Ts. Thị Hồng Chuyên</i> 2) <i>Trần Quang Minh</i>	Họ, tên: <i>Ng. Hữu Toàn</i>	Họ, tên:
Chữ ký: <i>Ch</i> <i>ML</i>	Chữ ký: <i>NT</i>	Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM
Học kỳ: 2/22-23



222232001080

Tên học phần: **Toán cao cấp C**

Mã học phần: **MTH00002**

Lớp: **22SHH1**

Ngày thi: **04/05/2023**

Giờ thi: **07g45**

Phòng thi: **F204**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
51	22150022	Nguyễn Thị	Bình			☐		6	0		
52	22150023	Huỳnh Ngọc Bảo	Châu			☐		9	5		
53	22150024	Đặng Hoài	Chi			☐		1	0		
54	22150025	Ngô Ngọc	Diễm			☐		7	0		
55	22150026	Lý Từ	Điền			☐		3	0		
56	22150027	Nguyễn Quốc Hưng	Gia			☐	1	0	0		
57	22150030	Phạm Lê Nhật	Hàn			☐		6	5		
58	22150031	Đinh Gia	Hân			☐					
59	22150032	Đinh Hoàng Gia	Hân			☐		6	0		
60	22150033	Lê Ngọc	Hân			☐		2	0		
61	22150034	Trần Thị Ngọc	Hân			☐		6	0		
62	22150035	Tạ Thị	Hằng			☐		7	5		
63	22150036	Trần Thị Mỹ	Hạnh			☐		8	0		
64	22150039	Ngô Thúy	Hiền			☐		9	0		
65	22150040	Nguyễn Thu	Hiền			☐		7	5		
66	22150041	Ngô Lê Đức	Hiếu			☐		5	0		
67	22150042	Trần Thanh	Hưng			☐		9	0		
68	22150043	Hà Đặng	Hữu			☐		9	0		
69	22150044	Đỗ Gia	Huy			☐		8	5		
70	22150045	Lê Quốc	Huy			☐		8	5		
71						☐					
72						☐					
73						☐					
74						☐					
75						☐					

Cán bộ coi thi

Cán bộ chấm thi

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên:
1) Trần Quang Ninh Chữ ký:
2) Tô Thị Hồng Chữ ký:

Họ, tên: Ngô Hữu Toàn
Chữ ký:

Họ, tên:
Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/22-23



222232001081

Tên học phần: **Toán cao cấp C**

Mã học phần: **MTH00002**

Lớp: **22SHH1**

Ngày thi: **04/05/2023**

Giờ thi: **07g45**

Phòng thi: **F205**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phân		
1	22150047	Phạm Quốc	Huy				1	0	0		
2	22150049	Trần Hoàng	Khang					7	5		
3	22150051	Đỗ Trần Lam	Khê					5	0		
4	22150052	Trần Quang	Khoa					3	0		
5	22150053	Trần Quang Duy	Khuong					6	5		
6	22150054	Phan Tuấn	Kiệt					8	0		
7	22150055	Võ Tuấn	Kiệt					6	0		
8	22150056	Huỳnh Phạm Hoàng	Kim					4	0		
9	22150057	Nguyễn Lý Hoàng	Kim					2	0		
10	22150058	Trần Gia	Lạc					4	0		
11	22150059	Nguyễn Ngọc	Lan					7	5		
12	22150060	Trương Quỳnh	Lan				1	0	0		
13	22150061	Nguyễn Hoàng Mai	Linh								
14	22150062	Trần Thị Thùy	Linh					6	5		
15	22150066	Nguyễn Hữu Hoài	Mạnh					6	0		
16	22150067	Lê Nhật	Minh								
17	22150069	Thạch Hoàng	Minh					5	0		
18	22150070	Trần Ngọc Thu	Minh					9	5		
19	22150071	Vũ Lê Anh	Minh					5	0		
20	22160009	Đặng Minh	Luật					7	5		
21											
22											
23											
24											
25											

Cán bộ coi thi

Cán bộ chấm thi

Trường khoa, bộ môn

Họ, tên:
1) Lê Duy Mỹ Chữ ký:
2) Trần Thị Thanh Dung Chữ ký:

Họ, tên:
Ngô Hữu Toàn
Chữ ký:

Họ, tên:
Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232001084

Tên học phần: **Toán cao cấp C**Mã học phần: **MTH00002**Lớp: **22SHH2**Ngày thi: **04/05/2023**Giờ thi: **07g45**Phòng thi: **F207**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
1	18150263	Nguyễn Thị Thảo	Phuong			☐		2	5		
2	18150289	Đỗ Nguyễn Quốc	Thắng			☐		5	5		
3	19150034	Phạm Thị Hồng	An			☐		5	0		
4	19150312	Nguyễn Bích	Giang			☐		6	0		
5	19150315	Đặng Ngọc	Hà			☐		4	0		
6	19150332	Hồ Đăng Thảo	Hiền			☐		6	5		
7	19150445	Nguyễn Ngọc	Sương			☐		9	0		
8	19170807	Lê Duy	Khoa			☒					
9	19220122	Nguyễn Đăng	Khoa			☐		5	0		
10	19220150	Lê Thị Mỹ	Nhung			☐		4	0		
11	20150061	Trần Đăng Huỳnh	Như			☐		7	5		
12	20150117	Nguyễn Tú	Anh			☐		5	0		
13	20150131	Nguyễn Khánh	Duy			☐		5	5		
14	20150151	Dương Phạm Hải	Hoàng			☐		5	5		
15	20150155	Nguyễn Thị	Hồng			☐		7	0		
16	20150232	Chung Huỳnh	Như			☒					
17	20150240	Nguyễn Minh	Phi			☐		6	0		
18	20150270	Huỳnh Anh	Thư			☐		5	0		
19	20190113	Nguyễn Đoàn Ngọc	Tú			☐		3	5		
20	21140375	Trần Giang Đức	Minh			☐		7	0		
21	21150125	Nguyễn Ánh	Tuyết			☐		4	0		
22	21150150	Trần Tuấn	Anh			☐		7	5		
23	21150157	Bùi Lê Gia	Bào			☐		8	0		
24	21150159	Nguyễn Gia	Bào			☐		9	0		
25	21150160	Nguyễn Ngọc Hoài	Bào			☐		8	5		6,5

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) Nguyễn Thị Nga 2) Nguyễn Văn Thanh	Họ, tên: <u>Ngô H. Toàn</u> Chữ ký:	Họ, tên: Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232001085

Tên học phần: **Toán cao cấp C**Mã học phần: **MTH00002**Lớp: **22SHH2**Ngày thi: **04/05/2023**Giờ thi: **07g45**Phòng thi: **F207**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ấ n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P. Thập phần		
26	21150164	Phạm Tiến	Danh				8	5			
27	21150166	Quách Hữu	Đạt				5	5			
28	21150226	Nguyễn Thị Kim	Khánh				5	0			
29	21150232	Trần Vũ Đăng	Khoa				3	5			
30	21150233	Đỗ Minh	Khôi				4	5			
31	21150243	Nguyễn Võ Ngọc	Linh				1	0			
32	21150278	Phan Hữu	Nhân				5	5			
33	21150280	Huỳnh Bảo Yến	Nhi				5	0			
34	21150281	La Đoàn Uyên	Nhi				5	5			
35	21150337	Tổng Thanh	Thanh				5	5			
36	21150366	Võ Đoan	Trang				9	0			
37	21150378	Ngô Thị Yến	Vi				7	5			
38	21150381	Trần Vũ Quang	Vinh				5	5			
39	21150393	Trần Ngọc Bích	Vy				2	5			
40	21190124	Huỳnh Minh	Phát				5	0			
41	22150072	Trần Hoài	Nam				5	0			
42	22150073	Nguyễn Thị Kiều	Ngân				6	0			
43	22150074	Trần Kim	Ngân				7	0			
44	22150075	Cao Lê Hương Bảo	Nghi								
45	22150076	Đoàn Bảo	Ngọc				9	0			
46	22150077	Nguyễn Thị Bích	Ngọc				9	0			
47	22150078	Vũ Bảo	Ngọc				8	5			
48	22150079	Nguyễn Bá	Nguyên								
49	22150080	Trần Khánh	Nguyên				6	5			
50	22150081	Nguyễn Hoàng Thu	Nhi				9	0			

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trường khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) Nguyễn Văn Thắng 2) Nguyễn Thị Nga	Họ, tên: Ng H Toàn Chữ ký:	Họ, tên: Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM
Học kỳ: 2/22-23



222232001086

Tên học phần: **Toán cao cấp C**

Mã học phần: **MTH00002**

Lớp: **22SHH2**

Ngày thi: **04/05/2023**

Giờ thi: **07g45**

Phòng thi: **F207**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ấ n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
51	22150082	Nguyễn Kiều	Nhi		<i>Nhi</i>	☐		5	5		
52	22150083	Nguyễn Ngọc Yên	Nhi		<i>Nhi</i>	☐		7	5		
53	22150086	Quách Ngọc	Như		<i>Như</i>	☐		7	5		
54	22150087	Trịnh Phó Hồng	Nhung		<i>chun</i>	☐		5	5		
55	22150089	Y - My Lơ	Niê		<i>Le</i>	☐		5	0		
56	22150090	Nguyễn Thị Ngọc	Oanh			☐					
57	22150092	Nguyễn Hoàng	Phúc			☐					
58	22150093	Nguyễn Hồng	Phúc		<i>phuc</i>	☐		9	5		
59	22150094	Mạch Trần Ngọc	Phụng			☐					
60	22150095	Nguyễn Ngọc Kỳ	Phương			☐					
61	22150096	Nguyễn Như Anh	Phương		<i>Phu</i>	☐		6	0		
62	22150098	Hồ Thái	Sơn			☐					
63	22150099	Kiều Thanh	Tâm		<i>thuntw</i>	☐		7	5		
64	22150102	Lê Minh	Thắng		<i>thue</i>	☐		8	5		
65	22150103	Nguyễn Hòa Loan	Thanh			☐					
66	22150104	Nguyễn Thị Hoài	Thanh		<i>thanh</i>	☐		7	5		
67	22150105	Nguyễn Minh	Thành		<i>thanh</i>	☐		9	5		
68	22150106	Mai Nguyên Thanh	Thào		<i>thao</i>	☐		8	0		
69	22150107	Nguyễn Đỗ Anh	Thi		<i>thi</i>	☐		6	0		
70	22150108	Nguyễn Ngọc Anh	Thi		<i>thi</i>	☐		5	5		
71						☐					
72						☐					
73						☐					
74						☐					
75						☐					

Cán bộ coi thi

Cán bộ chấm thi

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên:
1) *N.T. Nga* Chữ ký: *N.T. Nga*
2) *Nguyễn Văn Thông* Chữ ký: *Nguyễn Văn Thông*

Họ, tên: *Ng H Toàn*
Chữ ký: *Ng H Toàn*

Họ, tên:
Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM
Học kỳ: 2/22-23



222232001082

Tên học phần: **Toán cao cấp C**Mã học phần: **MTH00002**Lớp: **22SHH2**Ngày thi: **04/05/2023**Giờ thi: **07g45**Phòng thi: **F205**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ắ n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chức	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
1	22150109	Vũ Huỳnh Trang	Thi		<i>[Signature]</i>	☐		6	0		
2	22150110	Trần Đức	Thiện			☒					
3	22150111	Nguyễn Ngọc	Thơ		<i>[Signature]</i>	☐		6	0		
4	22150112	Nguyễn Hồ Minh	Thư			☒					
5	22150113	Nguyễn Thị Minh	Thư		<i>[Signature]</i>	☐		6	0		
6	22150114	Vũ Thị Anh	Thư		<i>[Signature]</i>	☐		6	0		
7	22150115	Trần Thị Ngọc	Thủy		<i>[Signature]</i>	☐		7	0		
8	22150116	Nguyễn Cao Ý	Tiên		<i>[Signature]</i>	☐		7	0		
9	22150117	Nguyễn Thị Cẩm	Tiên		<i>[Signature]</i>	☐		3	0		
10	22150118	Võ Ngọc Bảo	Trâm		<i>[Signature]</i>	☐	1	0	0		
11	22150119	Nguyễn Phạm Mỹ	Trân			☒					
12	22150123	Trần Diễm	Trinh		<i>[Signature]</i>	☐		7	5		
13	22150124	Đặng Thị Thanh	Trúc		<i>[Signature]</i>	☐		8	5		Năm chẵn 5,0
14	22150125	Trần Nguyễn Thanh	Trúc		<i>[Signature]</i>	☐		6	5		
15	22150127	Võ Anh	Trực		<i>[Signature]</i>	☐		7	5		
16	22150128	Huỳnh Hoàng	Tú		<i>[Signature]</i>	☐		6	0		
17	22150129	Phạm Ngọc	Tuấn			☒					
18	22150130	Đỗ Ngọc Cát	Tường		<i>[Signature]</i>	☐		5	0		
19	22150133	Phạm Nguyễn Minh	Tuyền		<i>[Signature]</i>	☐		3	0		
20	22150134	Trương Thanh	Tuyền		<i>[Signature]</i>	☐		5	0		
21	22150135	Vũ Thị Ngọc	Tuyền		<i>[Signature]</i>	☐		5	5		
22	22150136	Huỳnh Phạm Tú	Uyên		<i>[Signature]</i>	☐		7	5		
23	22150137	Nguyễn Võ Hạ	Uyên		<i>[Signature]</i>	☐		6	5		
24	22150139	Đỗ Ngọc	Vân		<i>[Signature]</i>	☐		4	0		
25	22150140	Lâm Nguyễn Hoàng	Vân		<i>[Signature]</i>	☐		7	5		

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trường khoa, bộ môn
Họ, tên: <i>Lê Duy Kỳ</i> 1).....Chữ ký: <i>[Signature]</i> 2) <i>Trần Thị Thanh Dung</i>Chữ ký: <i>[Signature]</i>	Họ, tên: <i>Ngô Hữu Toàn</i>Chữ ký: <i>[Signature]</i>	Họ, tên: Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232001083

Tên học phần: **Toán cao cấp C**

Mã học phần: **MTH00002**

Lớp: **22SHH2**

Ngày thi: **04/05/2023**

Giờ thi: **07g45**

Phòng thi: **F205**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ã n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
26	22150141	Lê Tuấn	Vũ		<i>Tam Vn</i>	☐	8	0			
27	22150142	Nguyễn Thúy	Vy		<i>Vy</i>	☐	5	0			
28	22150144	Nguyễn Thị Hồng	Yến		<i>Thị H</i>	☐	8	5			
29	22250022	Nguyễn Ngọc Gia	Huy		<i>Ng Ngọc</i>	☐	7	0			
30						☐					
31						☐					
32						☐					
33						☐					
34						☐					
35						☐					
36						☐					
37						☐					
38						☐					
39						☐					
40						☐					
41						☐					
42						☐					
43						☐					
44						☐					
45						☐					
46						☐					
47						☐					
48						☐					
49						☐					
50						☐					

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Trường khoa, bộ môn	
Họ, tên:		Họ, tên:		Họ, tên:	
1) <i>Trần Thị Thanh Dung</i>	Chữ ký: <i>Trần Thị Thanh Dung</i>	1) <i>Ng Hữu Toàn</i>	Chữ ký: <i>Ng Hữu Toàn</i>		
2) <i>Lê Duy Hải</i>	Chữ ký: <i>Lê Duy Hải</i>				